|  |  |
| --- | --- |
| **Function** | Thống kê của admin. |
| **Description** | Admin có thể thống kê các đơn hàng đã và chưa hoàn tất, đơn hàng bị hủy. Tình trạng của từng đơn hàng. Thống kê đánh giá, doanh thu, doanh số. |
| **Inputs** | Các đơn hàng. |
| **Source** | Dữ liệu được lưu trữ trong hệ cơ sở dữ liệu. |
| **Outputs** | Bảng thống kế tình trạng đơn hàng, đánh giá, doanh thu, doanh số. |
| **Destination** | Sử dụng để admin quản lí các vấn đề liên quan đến đơn hàng và dùng để thống kê. |
| **Action** | Mô tả chi tiết ở bảng dưới. |
| **Requirements** | Phải có đơn hàng để thống kê. |
| **Pre-condition** | Phải có đơn hàng để thống kê. |
| **Post-condition** | Sau khi sử dụng có thể đánh giá cũng như quản lí tất cả các đơn hàng (thêm, xóa, sửa) cũng như doanh số và doanh thu. |
| **Side effects** | Không |

|  |  |
| --- | --- |
| **Condition** | **Action** |
| thống kê đơn hàng | Lấy dữ liệu từ cơ sở dữ liệu và hiện bảng chứa tất cả các dữ liệu đơn hàng hiện tại. |
| sửa đơn hàng | Có thể sửa về số lượng hoặc xóa 1 món hàng và lưu lại xuống cơ sở dữ liệu. |
| xóa đơn hàng | Xóa 1 món hàng trên bảng và cả trong cơ sở dữ liệu. |
| Cập nhật tình trạng đơn hàng | Có thể chuyển trạng thái từ đang xử lý sang đang giao hàng, hàng chưa được nhận. |
| Thống kê doanh số và doanh thu | Lấy dữ liệu kèm theo giá tiền từ cơ sở dữ liệu và đưa vào bảng đồng thời vẽ charts để mô tả tổng quát. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Function** | Quản lí hệ thống nhân viên giao hàng |
| **Description** | Quản lí về công việc, các đơn hàng được giao cho nhân viên này vận chuyển, thống kê cuối ngày, trả lại các món hàng chưa giao thành công. |
| **Inputs** | Danh sách nhân viên. |
| **Source** | Danh sách nhân viên lấy từ hệ quản trị cơ sở dữ liệu. |
| **Outputs** | Bảng phân công công việc. |
| **Destination** | Hệ thống giúp admin quản trị nhân sự và phân công công việc hiểu quả. |
| **Action** | Mô tả chi tiết ở bảng dưới. |
| **Requirements** | Phải có danh sách nhân viên. |
| **Pre-condition** | Danh sách nhân viên |
| **Post-condition** | Các nhân viên sẽ có công việc riêng của mình. |
| **Side effects** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Condition** | **Action** |
| Thêm nhân viên | Thêm mới một nhân viên vào hệ thống. |
| Sửa nhân viên | Sửa thông tin chi tiết của nhân viên. |
| Xóa nhân viên | Xóa một nhân viên ra khỏi hệ thống. |
| Phân công công việc | Phân công các đơn hàng cho nhân viên. |
| Thống kê công việc | Trả về bảng chi tiết nhân viên cùng với số lượng hàng được giao. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Function** | Quản lý đơn hàng được giao với bên thứ 3 (cho các đơn ở xa). |
| **Description** | Giao đơn hàng cho các dịch vụ vận chuyển toàn quốc và quản lí chúng. |
| **Inputs** | Đơn hàng ở các tỉnh lân cận. |
| **Source** | Danh sách đơn hàng từ cơ sở dữ liệu |
| **Outputs** | Bảng danh sách đơn hàng. |
| **Destination** | Sử dụng để admin quản lí các đơn hàng giao cho đối tác. |
| **Action** | Mô tả chi tiết ở bảng dưới. |
| **Requirements** | Có đối tác vận chuyển (VNPost, VNExpress, Grad Express, …). |
| **Pre-condition** | Các đơn hàng giao cho các tỉnh lân cận. |
| **Post-condition** |  |
| **Side effects** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Condition** | **Action** |
| Thêm đơn hàng cho bên thứ 3 | Dùng API gọi dịch vụ bên thứ 3 để nhận hàng. |
| Quản lí đơn hàng | Xem tình trạng đơn hàng. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Function** | Quản lí sản phẩm |
| **Description** | Admin có thể thêm, xóa, sửa thông tin một sản phẩm bất kỳ. |
| **Inputs** | Nếu thêm sản phẩm thì cần thông tin chi tiết của sản phẩm đó, nếu xóa hoặc sửa thì cần chính xác sản phẩm đó. |
| **Source** | Dữ liệu từ cơ sở dữ liệu. |
| **Outputs** | Một sản phẩm mới hoặc thông tin của sản phẩm đã được chỉnh sửa. |
| **Destination** | Hệ thống admin dùng quản lí các sản phẩm. |
| **Action** | Mô tả chi tiết ở bảng dưới. |
| **Requirements** | Thông tin sản phẩm. |
| **Pre-condition** | Thông tin sản phẩm. |
| **Post-condition** | Sản phẩm sẽ được tạo mới hoặc thay đổi thông tin. |
| **Side effects** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Condition** | **Action** |
| Thêm sản phẩm | Tạo mới một sản phẩm sau đó lưu vào cơ sở dữ liệu. |
| Xóa sản phẩm | Lấy Id của sản phẩm cần xóa sau đó xóa ở cơ sở dữ liệu. |
| Chỉnh sửa sản phẩm | Lấy Id của sản phẩm cần chỉnh sửa sau đó hiện lại bảng nhập thông tin và cập nhật ở cơ sở dữ liệu. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Function** | Quản lý hệ thống giải quyết khiếu nại. |
| **Description** | Các khiếu nại sẽ được lưu lại và hiển thị vào mục giải quyết khiếu nại để xử lý. |
| **Inputs** | Khiếu nại từ người dùng. |
| **Source** | Dữ liệu lấy từ cơ sở dữ liệu. |
| **Outputs** | Phản hồi và giải quyết cho khách hàng. |
| **Destination** | Hệ thống quản lí cho admin giải quyết các khiếu nại |
| **Action** | Mô tả chi tiết ở bảng dưới |
| **Requirements** | Có các khiếu nại. |
| **Pre-condition** | Có các khiếu nại. |
| **Post-condition** | Các khiếu nại đã được giải quyết |
| **Side effects** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Condition** | **Action** |
| Phản hồi cho khách hàng | Sau khi lấy danh sách các phản hồi từ cơ sở dữ liệu sau đó trả về bảng tổng hợp, admin sẽ phản hồi cho từng khiếu nại và đưa hướng giải quyết. |